



Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 1 tháng 6 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Lê
Ông Yew Kean Lai
Ông Phạm Trung Lâm
Ông David Tan Wei Ming
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 16 tháng 4 năm 2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Trung Lâm

Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các cổ đông Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00558-19-1



Trưởng Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Khánh Tân

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3458-2015-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		1.355.360.362.136	193.266.035.993
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	890.040.780.664	148.078.622.646
Tiền	111		76.040.780.664	2.478.622.646
Các khoản tương đương tiền	112		814.000.000.000	145.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		339.866.146.399	44.976.223.500
Phải thu của khách hàng	131	5	80.060.328.471	-
Trả trước cho người bán	132	6	93.728.415.941	44.962.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	166.077.401.987	14.223.500
Hàng tồn kho	140	8	123.030.123.114	82.500.000
Hàng tồn kho	141		123.030.123.114	82.500.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.423.311.959	128.689.847
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.423.311.959	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	128.689.847
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.272.785.974.791	6.270.951.768.945
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.756.000	2.756.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.756.000	2.756.000
Tài sản cố định	220		658.048.320	751.020.572
Tài sản cố định hữu hình	221		151.752.792	106.644.440
Nguyên giá	222		196.751.280	123.051.280
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.998.488)	(16.406.840)
Tài sản cố định vô hình	227		506.295.528	644.376.132
Nguyên giá	228		690.403.000	690.403.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(184.107.472)	(46.026.868)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.981.506.652	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.981.506.652	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	6.270.004.511.729	6.270.003.622.729
Đầu tư vào các công ty con	251		6.094.450.622.729	6.094.450.622.729
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		175.553.889.000	175.553.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		139.152.090	194.369.644
Chi phí trả trước dài hạn	261		139.152.090	194.369.644
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.628.146.336.927	6.464.217.804.938

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

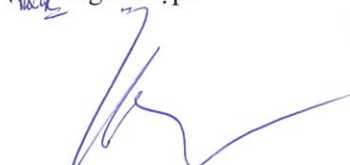
Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.621.643.436.297	2.467.743.285.721
Nợ ngắn hạn	310		3.899.728.834.926	7.913.678.116
Phải trả người bán	311	10	1.002.967.971.115	-
Người mua trả tiền trước	312		4.045.877.871	-
Thuế phải nộp Nhà nước	313		8.842.598.639	1.828.460.554
Phải trả người lao động	314		5.224.214	-
Chi phí phải trả	315	11	246.818.973.061	6.026.437.920
Phải trả ngắn hạn khác	319	12(a)	217.293.694.545	58.779.642
Vay ngắn hạn	320	13(a)	2.419.754.495.481	-
Nợ dài hạn	330		721.914.601.371	2.459.829.607.605
Phải trả dài hạn khác	337	12(b)	18.240.827.267	40.075.112.124
Vay và trái phiếu dài hạn	338	13(b)	692.089.599.955	2.419.754.495.481
Dự phòng phải trả dài hạn	342		11.584.174.149	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.006.502.900.630	3.996.474.519.217
Vốn chủ sở hữu	410	14	3.006.502.900.630	3.996.474.519.217
Vốn cổ phần	411	15	2.162.182.990.000	2.162.182.990.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		2.162.182.990.000	2.162.182.990.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.200.196.495.149	3.200.196.495.149
Lỗi lũy kế	421		(2.355.876.584.519)	(1.365.904.965.932)
<i>(Lỗi lũy kế)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước</i>	421a		(2.936.296.182.388)	25.616.426.007
<i>Lợi nhuận sau thuế/(lỗ) năm nay</i>	421b		580.419.597.869	(1.391.521.391.939)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.628.146.336.927	6.464.217.804.938

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	18	5.615.577.245.583	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	309.113.370.067	-
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	18	5.306.463.875.516	-
Giá vốn hàng bán	11	19	4.941.833.983.895	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		364.629.891.621	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	808.970.368.746	16.505.629.140
Chi phí tài chính	22	21	223.014.073.684	1.403.641.740.107
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		192.403.867.779	275.893.365.587
Chi phí bán hàng	25	22	297.362.111.410	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	72.613.442.315	4.385.135.772
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		580.610.632.958	(1.391.521.246.739)
Thu nhập khác	31		31.157.520	
Chi phí khác	32		222.192.609	145.200
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(191.035.089)	(145.200)
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		580.419.597.869	(1.391.521.391.939)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		580.419.597.869	(1.391.521.391.939)

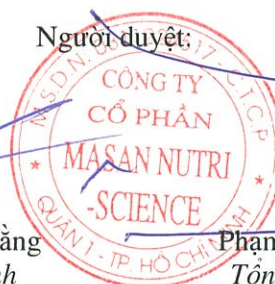
Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	01	580.419.597.869	(1.391.521.391.939)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	166.672.252	62.433.708
Các khoản dự phòng	03	702.311.085	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(185.960.101)	-
Lỗ từ việc sáp nhập	05	-	1.086.246.707.856
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(808.781.377.280)	(16.469.392.060)
Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác	06	192.403.867.779	311.968.365.587
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(35.274.888.396)	(9.713.276.848)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(165.773.825.642)	(12.128.000)
Biến động hàng tồn kho	10	(122.947.623.114)	(82.500.000)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	1.285.583.370.063	2.856.723.600
Biến động chi phí trả trước	12	(2.368.094.405)	1.162.297.020
		959.218.938.506	(5.788.884.228)
Tiền lãi vay và chi phí tài chính khác đã trả	14	(3.821.659.994)	(243.670.834.226)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	955.397.278.512	(249.459.718.454)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.055.206.652)	(813.454.280)
Tiền chi đầu tư vào các công ty con và đầu tư khác	25	(889.000)	(3.111.990.000.000)
Tiền thu từ việc thanh lý khoản đầu tư vào một công ty con	26	-	3.111.773.952.459
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	339.127.846.184	2.073.189.079.560
Tiền thuần thu được từ việc sáp nhập	28	-	8.015.384.053
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	337.071.750.532	2.080.174.961.792

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	3.364.187.925.703
Tiền chi trả nợ trái phiếu	34	-	(3.700.000.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(550.472.586.317)	(1.350.006.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(550.472.586.317)	(1.685.818.824.297)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	741.996.442.727	144.896.419.041
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	148.078.622.646	3.182.203.605
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(34.284.709)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	890.040.780.664	148.078.622.646

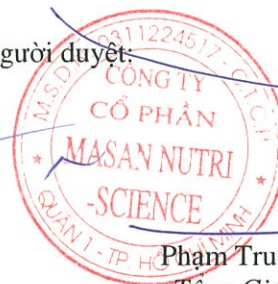
Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:


Trần Quang Bé
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư và kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản và các hàng hóa khác theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 2 công ty con sở hữu trực tiếp (1/1/2018: 2 công ty con sở hữu trực tiếp) như được mô tả trong Thuyết minh 9.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 14 chi nhánh hạch toán phụ thuộc bao gồm Chi nhánh Phú Thọ, Chi nhánh Hà Nam, Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Bình Định, Chi nhánh Đắk Lắk, Chi nhánh Vĩnh Long, Chi nhánh Hậu Giang, Chi nhánh Đồng Nai, Chi nhánh Quảng Nam, Chi nhánh Thái Nguyên, Chi nhánh Tiền Giang, Chi nhánh Hưng Yên, Chi nhánh Hải Phòng và Chi nhánh Cần Thơ (1/1/2018: 11 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 978 nhân viên (1/1/2018: 9 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư vào các công ty con

Cho mục đích trình bày trên báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Khoản chênh lệch giữa số tiền thu được so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ riêng trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, thu nhập cổ tức và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ ngân hàng và trái phiếu, các chi phí phát hành liên quan và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	6.850.080.792	-
Tiền gửi ngân hàng	67.667.699.872	2.478.622.646
Tiền đang chuyển	1.523.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	814.000.000.000	145.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	890.040.780.664	148.078.622.646

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Phải thu của khách hàng**Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty con		
• Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Nghệ An”) (“MNS Feed Nghệ An”)	18.600.500	-

Khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Trả trước cho người bán****Trả trước cho người bán là bên liên quan**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công ty con		
• MNS Feed Nghệ An	26.907.513.150	-
• Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên (trước đây là “Công ty TNHH Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Thái Nguyên”) (“MNS Feed Thái Nguyên”)	10.764.358.350	-
• Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Anco”)	10.249.385.755	-
	47.921.257.255	-

Các khoản trả trước cho các bên liên quan không có đảm bảo và không hưởng lãi.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải thu từ Anco, một công ty con	127.313.561.504	-
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan	36.632.772.324	-
Lãi phải thu từ tiền gửi	1.453.601.096	-
Tạm ứng	673.262.549	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.095.500	2.095.500
Phải thu khác	2.109.014	12.128.000
	166.077.401.987	14.223.500

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan bao gồm:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
• Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”)	20.613.145.608	-
• Anco	12.135.210.575	-
• Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Tiền Giang”) (“MNS Feed Tiền Giang”)	2.374.100.185	-
• Công ty TNHH MNS Feed (“MNS Feed”)	1.120.228.500	-
• Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long (trước đây là “Công ty Liên doanh Dinh dưỡng Thủy sản Quốc tế”) (“MNS Feed Vĩnh Long”)	309.680.734	-
• Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên (“Proconco Hưng Yên”)	50.753.959	-
• Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ (“Proconco Cần Thơ”)	26.170.000	-
• Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định (“Proconco Bình Định”)	3.482.763	-
	36.632.772.324	-

Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công cụ và dụng cụ	-	82.500.000
Hàng hóa	123.030.123.114	-
	123.030.123.114	82.500.000

Không có dự phòng giảm giá hàng tồn kho nào được trích lập trong báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2017.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đầu tư vào các công ty con (a)	6.094.450.622.729	6.094.450.622.729
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (b)	175.553.889.000	175.553.000.000
	6.270.004.511.729	6.270.003.622.729

(a) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2018 và 1/1/2018		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND
MNS Feed	99,9%	99,9%	3.111.990.000.000
Anco	100,0%	100,0%	2.981.563.422.729
Đầu tư khác	-	-	897.200.000
			6.094.450.622.729

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Không có dự phòng giảm giá nào cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập trên báo cáo tài chính riêng cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2017.

Thông tin chi tiết của các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mô tả như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Anco	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mỹ, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; chăn nuôi gia súc và gia cầm
MNS Feed	Lô A4, Đường số 2, Khu Công nghiệp Sông Mỹ, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Không có biến động giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty trong năm.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			1/1/2018		
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”)	0,01%	-	10.889.000	0,01%	-	10.000.000
Đầu tư khác (*)	-	-	175.543.000.000	-	-	175.543.000.000
			<u>175.553.889.000</u>			<u>175.553.000.000</u>

- (*) Trong năm 2016, Anco, một công ty con của Công ty, đã phát hành một quyền chọn mua cho một nhà đầu tư để mua 5% lợi ích vốn chủ sở hữu của Anco theo mệnh giá trên cơ sở pha loãng toàn bộ, quyền chọn này có thể được thực hiện trong 10 năm tính từ tháng 1 năm 2016. Trong tháng 2 năm 2016, quyền chọn này đã được Công ty mua lại như một phần trong kế hoạch tái cấu trúc của Công ty và nhằm gia tăng tỷ lệ sở hữu trong các công ty con, đặc biệt là Anco và Proconco. Công ty ghi nhận giao dịch này trong đầu tư góp vốn khác.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư góp vốn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Biến động trong năm của giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của Công ty như sau:

	MNS Meat VND	Đầu tư khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	10.000.000	175.543.000.000	175.553.000.000
Tăng trong năm	889.000	-	889.000
Số dư cuối năm	<u>10.889.000</u>	<u>175.543.000.000</u>	<u>175.553.889.000</u>

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Proconco	741.287.613.925	-
Proconco Hưng Yên	111.759.514.565	-
Các nhà cung cấp khác	149.920.842.625	-
	1.002.967.971.115	-

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các công ty con		
• Proconco	741.287.613.925	-
• Proconco Hưng Yên	111.759.514.565	-
• MNS Feed Vĩnh Long	57.370.018.360	-
• MNS Feed Tiền Giang	28.256.342.025	-
• Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang (trước đây là “Công ty TNHH Một Thành viên Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế Hậu Giang”) (“MNS Feed Hậu Giang”)	18.577.947.535	-
• Anco	9.988.097.016	-
• Proconco Bình Định	7.725.822.545	-
Bên liên quan khác		
• Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	6.871.841.133	-
	981.837.197.104	-

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Chi phí phải trả**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chiết khấu thương mại	160.639.232.498	-
Lương tháng 13 và thưởng	53.333.199.000	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	20.026.282.330	-
Chi phí vận chuyển	576.449.889	-
Chi phí khác	12.243.809.344	6.026.437.920
	246.818.973.061	6.026.437.920

12. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay phải trả cho Proconco, một công ty con	197.359.154.330	-
Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan	14.953.012.792	-
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	1.266.928.820	-
Phải trả khác	3.714.598.603	58.779.642
	217.293.694.545	58.779.642

Khoản phải trả phi thương mại cho các bên liên quan bao gồm:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
• Anco	13.679.786.557	-
• Proconco	1.024.666.359	-
• Proconco Cần Thơ	158.000.000	-
• Proconco Bình Định	60.000.000	-
• MNS Feed Vĩnh Long	10.274.448	-
• Proconco Hưng Yên	20.000.000	-
• MNS Feed	285.428	-
	14.953.012.792	-

Các khoản phải trả khác cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay phải trả cho Proconco, một công ty con	18.240.827.267	40.075.112.124

13. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm	31/12/2018 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND
Vay dài hạn đến hạn trả	-	2.419.754.495.481	- 2.419.754.495.481

(b) Vay dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn	3.111.844.095.436	2.419.754.495.481
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(2.419.754.495.481)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	692.089.599.955	2.419.754.495.481

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Các khoản vay không đảm bảo từ Proconco					
Khoản vay 1	VND	6,5%	2019	2.419.754.495.481	2.419.754.495.481
Khoản vay 2 (*)	VND	6,5%	2021	692.089.599.955	-
				3.111.844.095.436	2.419.754.495.481

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Vào ngày 6 tháng 8 năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận với Proconco và Anco. Theo đó, Anco chuyển các khoản vay cấp cho Công ty và chi phí lãi vay liên quan với số tiền lần lượt là 596.113 triệu VND và 95.976 triệu VND, cho Proconco để cân trừ với các khoản vay Proconco cấp cho Anco. Kết quả của thỏa thuận này là Công ty có khoản vay dài hạn từ Proconco với số tiền là 692.089 triệu VND. Công ty cũng đã ký một hợp đồng cho vay với Proconco để phản ánh sự thay đổi này.

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	2.000.010.000.000	-	25.616.426.007	2.025.626.426.007
Phát hành cổ phiếu	162.162.970.000	3.200.196.495.149	-	3.362.359.465.149
Tăng do sáp nhập	10.020.000	-	-	10.020.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	(1.391.521.391.939)	(1.391.521.391.939)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(1.365.904.965.932)	3.996.474.519.217
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	580.419.597.869	580.419.597.869
Cổ tức (Thuyết minh 16)	-	-	(1.570.391.216.456)	(1.570.391.216.456)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	2.162.182.990.000	3.200.196.495.149	(2.355.876.584.519)	3.006.502.900.630

15. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là như sau:

	31/12/2018 và 1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	216.218.299	2.162.182.990.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	216.218.299	2.162.182.990.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 2 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 2.271.157 triệu VND. Vào ngày 26 tháng 3 năm 2018, Công ty đã nhận được quyết định từ công ty mẹ về việc không nhận khoản cổ tức là 700.766 triệu VND. Do đó, cổ tức được phân phối đã giảm xuống còn 1.570.391 triệu VND.

17. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	76.120	1.761.418.883	-	-

18. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
• Bán hàng	5.615.577.245.583	-
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
• Chiết khấu thương mại	308.776.301.383	-
• Hàng bán bị trả lại	337.068.684	-
	309.113.370.067	-
Doanh thu thuần	5.306.463.875.516	-

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Hàng hóa đã bán	4.941.833.983.895	-

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Thu nhập cổ tức	795.142.312.854	-
Thu nhập lãi tiền gửi	13.639.064.426	16.469.392.060
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.031.365	36.237.080
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	185.960.101	-
	808.970.368.746	16.505.629.140

21. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lỗ từ việc sáp nhập	-	1.086.246.707.856
Chi phí lãi vay từ:		
• Các công ty con	192.403.867.779	128.440.657.254
• Trái chủ	-	147.452.708.333
Chi phí phát hành trái phiếu	-	36.075.000.000
Chi phí khác	30.610.205.905	5.426.666.664
	223.014.073.684	1.403.641.740.107

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	150.125.496.839	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	52.654.954.056	-
Chi phí vận chuyển	34.342.364.366	-
Chi phí thuê hoạt động	7.052.944.743	-
Chi phí công cụ và dụng cụ	468.476.263	-
Chi phí khác	52.717.875.143	-
	297.362.111.410	-

23. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên	61.709.021.063	72.000.000
Chi phí thuê hoạt động	256.467.607	5.890.500
Chi phí khấu hao	166.672.252	62.433.708
Dụng cụ văn phòng	706.503.305	36.005.112
Chi phí khác	9.774.778.088	4.208.806.452
	72.613.442.315	4.385.135.772

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	580.419.597.869	(1.391.521.391.939)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	116.083.919.574	(278.304.278.388)
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.857.234.592	51.627.855.521
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	37.485.730.152	226.676.422.867
Thu nhập được miễn thuế	(159.028.462.571)	-
Lỗ tính thuế đã sử dụng	(2.398.421.747)	-
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	193.455.088.680	38.691.017.736	6.026.437.920	1.205.287.584
Lỗ tính thuế	1.612.096.510.150	322.419.302.030	1.624.088.618.885	324.817.723.777
	1.805.551.598.830	361.110.319.766	1.630.115.056.805	326.023.011.361

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2020	Chưa quyết toán	260.212.583.297
2021	Chưa quyết toán	238.771.521.467
2022	Chưa quyết toán	1.113.112.405.386
		1.612.096.510.150

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 20%.

25. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cổ tức	1.135.573.000.000	-
Các công ty con		
MNS Feed		
Góp vốn	-	3.111.990.000.000
Thanh lý khoản đầu tư	-	3.111.773.952.459
Thu nhập cổ tức	95.142.382.854	-
MNS Feed Tiền Giang		
Mua hàng hóa	204.564.890.118	-
Bán hàng hóa	2.649.412.350	-
Phí thuê kho	938.880.000	-
MNS Feed Thái Nguyên		
Mua hàng hóa	122.358.393.156	-
Bán hàng hóa	594.791.350	-
Phí thuê kho	735.000.000	-
MNS Feed Vĩnh Long		
Mua hàng hóa	147.242.665.190	-
Bán hàng hóa	2.679.631.840	-
Phí thuê kho	300.000.000	-
MNS Feed Hậu Giang		
Mua hàng hóa	288.897.242.780	-
Bán hàng hóa	5.109.679.695	-
Phí thuê kho	630.000.000	-

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2018	2017
	VND	VND
MNS Feed Nghệ An		
Mua hàng hóa	121.183.429.713	-
Bán hàng hóa	18.600.500	-
Phí thuê kho	598.500.000	-
Anco		
Mua hàng hóa	686.922.523.777	-
Bán hàng hóa	2.793.406.150	-
Phí thuê kho	110.250.000	-
Thu nhập cổ tức	699.999.930.000	-
Khoản vay đã nhận	679.032.261.643	-
Khoản vay đã nhận do sáp nhập	-	2.202.074.458.000
Chi phí lãi vay	16.878.998.306	12.272.032.475
Proconco		
Mua hàng hóa	2.781.868.838.947	-
Bán hàng hóa	12.871.395.765	-
Chuyển khoản vay/cho vay	692.089.599.955	2.419.754.495.481
Chi phí lãi vay	175.524.869.473	40.075.112.124
Proconco Cần Thơ		
Mua hàng hóa	374.807.950	-
Proconco Bình Định		
Mua hàng hóa	513.159.493.703	-
Bán hàng hóa	4.009.722.850	-
Proconco Hưng Yên		
Mua hàng hóa	197.318.564.100	-
Bán hàng hóa	170.265.810	-
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Chi phí công nghệ thông tin (đã bao gồm VAT)	5.485.002.069	-
Chi phí quản lý dự án (đã bao gồm VAT)	1.386.839.064	-
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Thù lao	14.061.849.318	-

Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

26. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018 VND	2017 VND
Cần trừ cổ tức phải thu với cổ tức phải trả	340.886.368.496	-
Chuyển chi phí lãi vay phải trả thành nợ gốc vay	13.057.338.312	217.680.037.481
Chi phí phát hành cổ phiếu chưa thanh toán	-	1.828.460.554
Chuyển cổ tức phải trả thành khoản vay từ công ty con	679.032.261.643	-

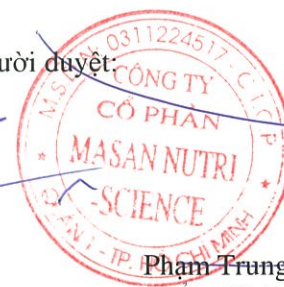
Ngày 7 tháng 3 năm 2019

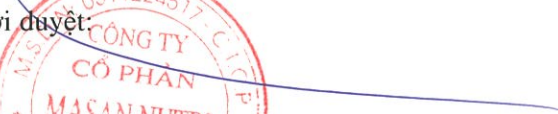
Người lập:


Trần Quang Bế
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Thị Minh Hằng
Giám đốc Tài chính




Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

